

Số: 173 /CHK-ANHK

V/v hướng dẫn một số điểm về cấp thẻ,
giấy phép kiểm soát an ninh của
Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Cảng vụ Hàng không miền Bắc, miền Trung, miền Nam;
- Các cảng hàng không.

Ngày 17/11/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2018; trong đó có các điều quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay (dưới đây gọi tắt là Thẻ, Giấy phép). Để triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất đúng quy định của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT và Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT nêu trên về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh, Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

I. Về hiệu lực của thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay đã cấp trước ngày 15/01/2018 và việc bảo mật, nội dung ghi trên thẻ, giấy phép

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay đã cấp trước ngày 15/01/2018 theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT vẫn có giá trị sử dụng cho tới ngày hết hiệu lực được ghi trên thẻ, giấy phép.

2. Quy định về mẫu, bảo mật và các nội dung ghi trên thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay thực hiện theo văn bản số 1648/CHK-ANHK ngày 27/4/2016 hướng dẫn một số điểm về cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT; văn bản số 2244/CHK-ANHK ngày 03/6/2016 và Quyết định số 639/QĐ-CHK ngày 27/4/2016 về việc ban hành mẫu trên thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

II. Những nội dung sửa đổi bổ sung về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay của Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT

1. Thẩm quyền cấp thẻ:

Cục Hàng không Việt Nam chỉ cấp thẻ có giá trị sử dụng tại nhiều cảng hàng không, sân bay. Không cấp thẻ có giá trị sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay như quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT.

2. Thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay, mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ:

Ngoài việc phải thông báo cho Cảng vụ hàng không như quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT thì hãng hàng không, doanh nghiệp còn phải

thông báo mẫu thẻ cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không, doanh nghiệp hoạt động để giám sát.

3. Thời hạn hiệu lực của Thẻ, giấy phép dài hạn:

Thẻ, Giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn cấp cho tất cả các đối tượng đều có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp. Tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT thì thẻ, giấy phép dài hạn cấp cho các tổ chức không phải là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan, tổ chức nước ngoài, các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không thì thời hạn hiệu lực tối đa chỉ là 01 năm kể từ ngày cấp.

4. Thông tin trên thẻ ngắn hạn:

Ngoài số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn hoặc số thẻ kiểm soát an ninh nội bộ, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bổ sung số thẻ căn cước công dân.

5. Thông tin trên thẻ kiểm soát an ninh nội bộ ngắn hạn:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung thông tin họ và tên của người được cấp thẻ.

6. Đối tượng được xem xét cấp thẻ dài hạn:

So với Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bãi bỏ nhân viên của doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh du lịch. Trường hợp doanh nghiệp du lịch có thuê mặt bằng, quầy trong khu vực hạn chế thì xác định là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

7. Thẻ cấp cho cơ quan đại diện ngoại giao:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp thẻ cho người của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài phù hợp với yêu cầu kiểm soát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay là mở rộng hơn; Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT quy định Cục Hàng không Việt Nam cấp một số lượng thẻ nhất định cho người của các cơ quan đại diện ngoại giao.

8. Điều kiện để được cấp thẻ:

8.1. Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT quy định 02 điều kiện (1) Không có án tích theo quy định của pháp luật và (2) Được cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

8.2. Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung điều kiện thứ 2 chặt chẽ hơn so với Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT cho từng loại đối tượng cụ thể:

- Đối tượng là cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không phải được cơ quan, tổ chức chủ quản giao

nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 06 tháng liên tục.

- Đối tượng là nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian không dưới 01 tháng liên tục. Đồng thời khu vực hạn chế (khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị) phải đáp ứng 04 yêu cầu sau đây:

+ Không có hoạt động hàng không dân dụng tại khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng;

+ Ranh giới khu vực thi công có hàng rào ngăn cách, bảo đảm cách biệt giữa khu vực thi công với các khu vực hạn chế khác và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay; bảo đảm người, phương tiện trong khu vực thi công không thể xâm nhập vào khu vực hạn chế khác;

+ Có lối ra, vào riêng từ khu vực công cộng đến khu vực thi công và phải có cổng, cửa, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện kiểm tra an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật ra vào. Trường hợp không có lối đi riêng mà phải đi qua khu vực hạn chế khác, phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải người, phương tiện khi qua khu vực hạn chế;

+ Có phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được Cảng vụ hàng không thẩm định, chấp thuận. Phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được quy định trong Chương trình an ninh cảng hàng không.

- Đối tượng là cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương và địa phương của tổ chức chính trị, xã hội phải đáp ứng được 01 trong 08 yêu cầu sau:

+ Cơ quan tổ chức đó phải có trụ sở hoặc phòng làm việc, quầy làm việc, nơi đặt thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cảng hàng không, sân bay;

+ Phải được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 03 tháng liên tục;

+ Phải là người phục vụ trực tiếp nhiệm vụ an ninh, quốc phòng liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;

+ Phải là người phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ;

+ Phải là người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Phải là người thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc

Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

+ Phải là người điều khiển phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ;

+ Phải là người điều khiển phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

9. Đối tượng cấp thẻ ngắn hạn:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bãi bỏ: đối tượng được xem xét cấp thẻ ngắn hạn là đối tượng thuộc diện được xem xét cấp thẻ dài hạn nhưng không đủ điều kiện cấp thẻ dài hạn.

10. Giám sát, hộ tống người có thẻ ngắn hạn:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung những nội dung (1) người hộ tống, hướng dẫn, giám sát phải là người có thẻ dài hạn phù hợp và phải thường xuyên quan sát hoạt động của người được hướng dẫn, giám sát; (2) người hộ tống, giám sát là người thường xuyên làm việc tại khu vực hạn chế cơ quan đề nghị cấp thẻ ngắn hạn, người của cảng vụ hàng không. So với Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT tại khu vực cách ly, sân bay không bắt buộc phải là nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hộ tống, giám sát.

11. Giấy phép cấp cho phương tiện:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bãi bỏ quy định đối với phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay, biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp đồng thời là giấy phép kiểm soát an ninh hàng không. Như vậy, các phương tiện này phải có Giấy phép. Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT cũng bổ sung quy định trong các trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định cấp giấy phép ngắn hạn cho phương tiện và chịu trách nhiệm.

12. Hướng dẫn, dẫn đường cho phương tiện vào hoạt động trong khu vực hạn chế của sân bay:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bổ sung phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn nhưng người điều khiển phương tiện chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng ngắn hạn và phương tiện hoạt động không thường xuyên trong khu bay thì phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất hướng dẫn hoặc phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay dẫn đường.

13. Phạm vi cấp thẻ:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung cụ thể hơn: đối với người làm nhiệm vụ tại nhiều cảng hàng không chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào các cảng hàng không, sân bay mà người đó có nhiệm vụ; người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ vào khu vực hạn chế đó; người có nhiệm vụ trong khu vực hạn chế thời gian nào chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng trong thời gian đó.

14. Thủ tục quyết định hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế của người khai thác cảng:

Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT quy định người khai thác cảng phải gửi ngay quyết định cho Cục HKVN và Cảng vụ hàng không liên quan thì Thông tư 45/2017/TT-BGTVT quy định là báo cáo ngay cho Cục HKVN và Cảng vụ hàng không liên quan.

15. Kiểm tra án tích đối với người đề nghị cấp thẻ dài hạn:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định chỉ kiểm tra án tích khi cấp thẻ lần đầu, bãi bỏ quy định kiểm tra án tích khi cấp lại thẻ do hết thời hạn sử dụng.

16. Thủ tục hồ sơ cấp mới thẻ dài hạn của Cục HKVN:

So với Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, trong Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI.

17. Thủ tục hồ sơ cấp lại thẻ dài hạn của Cục HKVN và của Cảng vụ:

Trường hợp cấp lại do mờ hỏng, mất thẻ và thu thẻ, quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT là công văn và ảnh thì Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định công văn và tờ khai. Đồng thời với trường hợp bị thu thẻ, Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT yêu cầu văn bản kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật và bản kiểm điểm cá nhân có nhận xét đánh giá của cơ quan xử lý vi phạm, kỷ luật thì Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT TT yêu cầu văn bản nêu kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật của cơ quan quản lý người bị thu thẻ.

18. Thủ tục hồ sơ cấp mới thẻ dài hạn của Cảng vụ:

So với với Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT quy định bổ sung danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI và các đối tượng của các cơ quan Công an, Hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không và Cảng vụ hàng không, không cần có Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII.

19. Thủ tục hồ sơ cấp thẻ ngắn hạn của Cảng vụ:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bổ sung quy định Cảng vụ phải sao lưu giấy chứng minh nhân dân, chứng minh thư ngoại giao, hộ chiếu, thẻ căn cước công dân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

20. Thủ tục hồ sơ cấp giấy phép dài hạn:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT bổ sung quy định người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp giấy phép cho phương tiện của mình không cần có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V.

III. Hướng dẫn thực hiện một số quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay trong Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT

Cơ quan cấp thẻ, giấy phép, cơ quan, tổ chức và người xin cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay triển khai thực hiện tuân thủ các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT. Để việc cấp thẻ, giấy phép thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh hàng không và tạo điều kiện thuận tiện cho việc vào, hoạt động tại các khu vực hạn chế của nhà ga sân bay, Cục HKVN hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau đây:

1. Giải thích một số từ ngữ trong Thông tư 45/2017/TT-BGTVT:

1.1. “Hợp đồng lao động không xác định thời hạn” là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

1.2. “Hợp đồng lao động xác định thời hạn” là là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.

1.3. “Không có án tích theo quy định của pháp luật” là không quá 30 ngày tính đến thời điểm đề nghị cấp thẻ tại Phiếu lý lịch tư pháp hoặc tài liệu tương tự của nước ngoài về tình trạng án tích có nội dung xác nhận là không có án tích hoặc có án tích nhưng đã được xóa.

1.4. “Cấp thẻ lần đầu” là lần cấp đầu tiên cho một người được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

1.5. “Cấp lại thẻ” là lần cấp thứ 02 trở đi cho một người đã được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay lần đầu.

1.6. “Người làm việc thường xuyên liên tục tại khu vực hạn chế” là người làm một trong những nhiệm vụ, công việc trong Danh mục nhiệm vụ, công việc thường xuyên tại **Phụ lục 5** của Hướng dẫn này liên tục trên 10 ngày.

1.7. “Người có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay” là:

- Người làm công việc không thuộc Danh mục nhiệm vụ, công việc thường xuyên tại **Phụ lục 5** của Hướng dẫn này hoặc là người làm một trong những công việc thuộc Danh mục công việc tại **Phụ lục 5** của Hướng dẫn này liên tục không quá 10 ngày.

- Người thực tập nghiệp vụ chuyên môn, người thử việc theo quy định của pháp luật về lao động.

1.8. “Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế” là phương tiện của người khai thác

cảng không được cấp giấy phép dài hạn, được điều động để thực hiện một công việc trong khu vực hạn chế trong một thời gian ngắn, tối đa không quá 10 ngày.

1.9. “Cơ quan chủ quản khu vực hạn chế” là cơ quan, đơn vị thuộc người khai thác cảng quản lý, khai thác khu vực hạn chế hoặc doanh nghiệp được người khai thác cảng nhượng quyền quản lý, khai thác khu vực hạn chế.

1.10. “Phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được quy định trong Chương trình an ninh cảng hàng không” là Phương án khung bao gồm các quy định: (1) Người chịu trách nhiệm lập, thực hiện phương án; (2) Đề cương phương án.

2. Thẩm quyền cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

2.1. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho tất cả các đối tượng được xem xét cấp thẻ quy định tại khoản 1 Điều 16 sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT, có nhiệm vụ tại 02 cảng hàng không thuộc phạm vi quản lý của 02 cảng vụ hàng không khu vực trở lên.

2.2. Giám đốc Cảng vụ hàng không miền Bắc, Trung, Nam cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho tất cả các đối tượng được xem xét cấp thẻ quy định tại khoản 1 Điều 16 sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT, có nhiệm vụ tại một hoặc nhiều cảng hàng không, thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng không khu vực.

2.3. Giám đốc Cảng vụ hàng không miền Bắc, Trung, Nam quyết định cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tương ứng tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất. Trưởng đại diện cảng vụ hàng không quyết định cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tại cảng hàng không do mình quản lý.

3. Những người được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

3.1. Cán bộ, nhân viên các đơn vị thuộc hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (hàng không, phi hàng không) tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không tại cảng hàng không (quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 16) phải đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây mới được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

- Không có án tích.
- Có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động.
- Là người trực tiếp làm việc tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay hoặc cán bộ gián tiếp của các phòng, ban, tổ, đội nghiệp vụ thường xuyên trực tiếp xuống khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay nơi nhân viên làm việc để đón đòc, kiểm tra, giám sát công việc.

- Được giao làm việc thường xuyên liên tục tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 06 tháng liên tục.

Lưu ý: Cán bộ của các phòng, ban, tổ, đội (bộ phận gián tiếp) không có nhiệm vụ thường xuyên trực tiếp xuống khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay nơi nhân viên làm việc để đôn đốc, kiểm tra, giám sát công việc của nhân viên trực tiếp làm việc tại khu vực hạn chế như các bộ phận: tổ chức nhân sự, văn phòng, kế hoạch, tài chính kế toán.... thì không cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng dài hạn mà chỉ cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi có công việc phải vào khu vực hạn chế.

3.2. Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16) có trong danh sách tại **Phụ lục 1** Hướng dẫn này, không có án tích và phải đáp ứng một trong các điều kiện quy định dưới đây mới được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

- Cơ quan, tổ chức có trụ sở hoặc phòng làm việc, quầy làm việc, nơi đặt thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cảng hàng không, sân bay.

- Làm nhiệm vụ thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 03 tháng liên tục.

- Cán bộ, nhân viên phục vụ trực tiếp nhiệm vụ an ninh quốc phòng liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc vận chuyển hành khách bằng đường hàng không là người của các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ cảng hàng không, sân bay, các chuyến bay.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cung cấp Danh sách các cơ quan, đơn vị theo đề nghị của Cục Hàng không Việt Nam. Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh, thành phố, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có cảng hàng không cung cấp Danh sách các cơ quan, đơn vị theo đề nghị của Cảng vụ Hàng không miền Bắc, Trung, Nam.

- Người phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ là người của các cơ quan, đơn vị có trong danh sách tại **Phụ lục 3** Hướng dẫn này.

- Người làm nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, xã hội cấp trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại **Phụ lục 4**.

3.3. Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16) có trong danh sách tại **Phụ lục 2** của Hướng dẫn này và không có án tích mới được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

Số lượng, cảng hàng không và khu vực hạn chế được cấp như sau:

- Số lượng thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cấp cho mỗi cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam tại **Phụ lục 2**.

- Chỉ cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất nơi cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài có trụ sở.

- Chỉ cấp cho vào khu vực hạn chế tại nhà ga quốc tế.

3.4. Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16), phải đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây mới được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

- Không có án tích,

- Được giao làm việc thường xuyên liên tục tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay từ 01 tháng trở lên

- Khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Không có hoạt động hàng không dân dụng

+ Ranh giới khu vực thi công có hàng rào ngăn cách, bảo đảm cách biệt giữa khu vực thi công với các khu vực hạn chế khác và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay; bảo đảm người, phương tiện trong khu vực thi công không thể xâm nhập vào khu vực hạn chế khác;

+ Có lối ra, vào riêng từ khu vực công cộng đến khu vực thi công và phải có cổng, cửa, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện kiểm tra an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật ra vào. Trường hợp không có lối đi riêng mà phải đi qua khu vực hạn chế khác, phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải người, phương tiện khi qua khu vực hạn chế;

+ Có phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được Cảng vụ hàng không thẩm định, chấp thuận. Phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được quy định trong Chương trình an ninh cảng hàng không.

3.5. Các đối tượng thuộc diện được xem xét cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn nhưng không đáp ứng được điều kiện được quy định tương ứng với từng đối tượng tại các khoản 3, 4, 5 của Điều 16 sửa đổi thì không được cấp thẻ ngắn hạn, ngoại trừ các đối tượng thuộc diện “Người có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay”.

3.6. Không cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn để đón, tiễn khách, trừ các trường hợp sau:

- Người phục vụ chuyên cơ đón đoàn chuyên cơ.

- Người làm nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, xã hội cấp trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam đón, tiễn khách của cơ quan đại diện ngoại giao.

- Người thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

3.7. Ban hành, cập nhật Danh sách các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

- Phòng An ninh hàng không - Cục HKVN có trách nhiệm cập nhật Danh sách tại Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 và đăng tải công khai trên website của Cục HKVN.

- Cảng vụ hàng không khu vực ban hành, cập nhật (1) Danh sách các cơ quan, tổ chức có trụ sở hoặc phòng làm việc, quây làm việc, nơi đặt thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cảng hàng không, sân bay cho từng cảng hàng không; (2) Danh sách các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương có nhiệm vụ, công việc thường xuyên tại khu vực hạn chế tại nhà ga, sân bay tại **Phụ lục 5** của từng cảng hàng không và đăng tải công khai trên website của Cảng vụ.

- Người khai thác cảng được ủy quyền cấp thẻ ban hành, cập nhật Danh sách các đơn vị thuộc người khai thác cảng có trụ sở hoặc có nhiệm vụ, công việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay tại **Phụ lục 5** và đăng công khai trên website của Cảng.

4. Kiểm tra án tích và đánh giá vấn đề án tích khi cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn:

4.1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người xin cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn chịu trách nhiệm kiểm tra án tích của người xin cấp thẻ tại cơ quan tư pháp trước khi làm thủ tục xin cấp thẻ lần đầu và ghi đầy đủ thông tin tại mục 22.2 của Tờ khai cấp thẻ (Phụ lục VII Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT). Trường hợp đề nghị cấp lại, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thẩm tra, xác minh để xác định người đề nghị cấp thẻ có hay không có án tích và ghi rõ trong Công văn đề nghị (Phụ lục V Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT) và chịu trách nhiệm.

4.2. Cơ quan cấp thẻ khi thẩm định hồ sơ, kiểm tra ngẫu nhiên 0,5% trong số người xin cấp thẻ kể cả lần đầu và cấp lại các tài liệu chứng minh về vấn đề án tích của người đề nghị cấp thẻ.

5. Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn:

5.1. Chỉ cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn cho người có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

5.2. Khi thẩm định cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn, cơ quan cấp thẻ xác định cụ thể người chịu trách nhiệm hộ tống, hướng dẫn, giám sát là ai, thuộc đơn vị nào, có thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn ở khu vực đó không mới được cấp thẻ.

5.3. Một người hộ tống, hướng dẫn, giám sát tối đa không quá 07 người được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn trong một khu vực hạn chế.

6. Cấp giấy phép cho phương tiện:

Chỉ cấp giấy phép cho các phương tiện tự hành; các phương tiện không tự hành thì sử dụng biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp.

7. Quyết định hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế khi áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy sân bay:

7.1. Trong trường hợp cấp bách phải thực hiện ngay lập tức, ngay sau khi quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế, Giám đốc Cảng hàng không phải thông báo bằng điện thoại đường dây nóng cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan. Sau đó, trong vòng 08 giờ kể từ khi quyết định phải ban hành Quyết định bằng văn bản gửi Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

7.2. Trong trường hợp không cấp bách: Giám đốc Cảng quyết định bằng văn bản và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, văn bản quyết định phải gửi ngay bằng hình thức nhanh nhất cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

8. Lưu ý một số nội dung ghi trong Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Phụ lục VII Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT):

8.1. Người, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thẻ phải ghi đầy đủ tất cả các nội dung được yêu cầu trong 22 mục của Bản khai và ký xác nhận; nếu ghi không đầy đủ sẽ là Bản khai không hợp lệ và không được xem xét để cấp thẻ.

8.2. Đối với Bản khai của người thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội cấp Trung ương và địa phương và bản khai của nhân viên ngoại giao không yêu cầu ghi vào phần (Phiếu lý lịch tư pháp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Tư pháp ... cấp) tại mục 22.2.

Các đối tượng không nằm trong diện nêu trên phải ghi đầy đủ mục 22.2; cơ quan cấp thẻ không được yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ. Trong trường hợp xét có dấu hiệu bất thường thì cơ quan cấp thẻ yêu cầu xuất trình bản gốc Phiếu lý lịch tư pháp để đối chiếu.

8.3. Tại mục 20.3 mô tả chi tiết công việc, người đề nghị cấp thẻ phải ghi cụ thể, chi tiết công việc được giao thực hiện tại khu vực hạn chế của nhà ga,

sân bay. Không ghi chung chung như “làm nhiệm vụ của đơn vị”, “làm công tác nghiệp vụ”, “làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng” ...

9. Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn vào khu vực cách ly, khu vực sân đỗ tàu bay, đường lăn, đường cất hạ cánh:

9.1. Chỉ cấp vào khu vực cách ly cho các đối tượng làm nhiệm vụ thường xuyên hàng ngày trong khu vực cách ly gồm các loại sau đây:

- Nhân viên bán hàng, thu ngân, cung ứng hàng hóa trong khu cách ly.
- Nhân viên an ninh làm nhiệm vụ kiểm tra soi chiếu hành khách, hành lý và kiểm tra giám sát an ninh trong khu vực cách ly.
- Nhân viên làm thủ tục, phục vụ hành khách lên tàu bay.
- Nhân viên hải quan, cửa khẩu, kiểm dịch y tế, cảng vụ hàng không.
- Nhân viên sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành trang thiết bị, giám sát thi công trong khu vực cách ly.
- Cán bộ, nhân viên thanh tra, kiểm tra, giám sát về an ninh, an toàn, chất lượng dịch vụ.

9.2. Chỉ cấp vào khu vực sân đỗ tàu bay, đường lăn, đường cất hạ cánh chỉ cấp cho các đối tượng làm nhiệm vụ thường xuyên hàng ngày trong khu vực sân đỗ tàu bay, đường lăn, đường cất hạ cánh gồm các loại sau đây:

- Nhân viên an ninh, nhân viên làm nhiệm vụ điều phối, kiểm tra, giám sát khu vực sân đỗ tàu bay, đường lăn, đường cất hạ cánh và vành đai sân bay.
- Nhân viên làm thủ tục, phục vụ chuyến bay (vệ sinh tàu bay, sân đường; xếp dỡ hành lý, hàng hóa; cung ứng suất ăn, nhiên liệu, đồ phục vụ trên tàu bay; hướng dẫn hành khách; sửa chữa bảo dưỡng ngoại trường; giám sát khai thác).
- Nhân viên hải quan, cửa khẩu, kiểm dịch y tế, động, thực vật.
- Nhân viên sửa chữa, bảo dưỡng, điều khiển, vận hành trang thiết bị, phương tiện; quản lý kho vật tư, giám sát thi công trong khu vực sân đỗ tàu bay, đường lăn, đường cất hạ cánh.
- Nhân viên cứu hỏa, cứu nạn; thu phí dịch vụ hàng không, phi hàng không.
- Cán bộ, nhân viên thanh tra, kiểm tra, giám sát về an ninh, an toàn, chất lượng dịch vụ
- Nhân viên phục vụ, lái xe thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

10. Thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay, mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ:

Hãng hàng không, doanh nghiệp thông báo mẫu thẻ cho Người đứng đầu tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay (Post-holder) để lực lượng kiểm soát an ninh hàng không giám sát.

IV. Thực hiện


1. Cơ quan cấp thẻ, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thẻ triển khai thực hiện các quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT, Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT và Hướng dẫn này. Hủy bỏ quy định tại mục I về kiểm tra án tích, mục II về cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh và cấp thẻ, giấy phép cho người, phương tiện thi công công trình tại Hướng dẫn số 4795/HD-CHK ngày 08/11/2016 của Cục HKVN. Các cơ quan, tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi Cục HKVN để hướng dẫn kịp thời.

2. Cơ quan cấp thẻ rà soát lại nhân sự, trang thiết bị, quy trình, khối lượng công việc để bổ sung, sửa đổi, bảo đảm việc cấp thẻ, giấy phép được nhanh chóng, thuận lợi nhất là đối với việc cấp thẻ, giấy phép ngắn hạn.

3. Cảng vụ hàng không thông báo nội dung hướng dẫn này cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không hoạt động tại cảng biệt và thực hiện; đăng tải hướng dẫn này trên website của đơn vị.

4. Phòng An ninh hàng không – Cục HKVN theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện văn bản này và tham mưu, đề xuất giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh, đăng tải hướng dẫn này trên website của Cục HKVN. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng Pháp chế Cục HKVN;
- Tcty Cảng HKVN-CTCP;
- Tcty HKVN-CTCP;
- Tcty Quản lý bay Việt Nam;
- Các hãng hàng không: Green Planet, Hải Âu, JPA, VASCO, Vietstar, VJA, VNH;
- Lưu: VT, ANHK (Lh40bn). 



Đinh Việt Sơn

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- 24 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 25 Thanh tra Chính phủ
- 26 Ủy ban Dân tộc
- 27 Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
- 28 Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
- 29 Đài Tiếng nói Việt Nam
- 30 Đài Truyền hình Việt Nam
- 31 Thông tấn xã Việt Nam
- 32 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- 33 Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 34 Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

B TỔ CHỨC ĐẢNG

- 01 Văn phòng Trung ương Đảng
- 02 Ban Tổ chức Trung ương
- 03 Ban nội chính Trung ương
- 04 Ban Kinh tế Trung ương
- 05 Ban Dân vận Trung ương
- 06 Ban Tuyên giáo Trung ương
- 07 Ban Đối ngoại Trung ương
- 08 Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng
- 09 Đảng ủy Khối các doanh nghiệp Trung ương
- 10 Đảng ủy Khối các cơ quan Kinh tế Trung ương

C TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

- 01 Trung ương hội Cựu chiến binh Việt Nam
- 02 Trung ương hội Nông dân Việt Nam
- 03 Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
- 04 Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- 05 Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- 06 Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

SỐ TT

CƠ QUAN, TỔ CHỨC

II CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

A CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- 01 Hội đồng Nhân dân
- 02 Ủy ban Nhân dân
- 03 Tòa án Nhân dân
- 04 Viện Kiểm sát Nhân dân
- 05 Sở Thông tin và Truyền thông
- 06 Sở Công Thương
- 07 Sở Giáo dục và Đào tạo
- 08 Sở Giao thông Vận tải
- 09 Sở Khoa học - Công nghệ
- 10 Sở Kế hoạch và Đầu tư
- 11 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- 12 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 13 Sở Ngoại vụ
- 14 Sở Nội vụ
- 15 Sở Tài chính
- 16 Sở Tài nguyên Môi trường
- 17 Sở Tư pháp
- 18 Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
- 19 Sở Xây dựng
- 20 Sở Y tế
- 21 Ban Dân tộc
- 22 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố
- 23 Công an tỉnh, thành phố
- 24 Thanh tra tỉnh, thành phố
- 25 Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố
- 26 Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố
- 27 Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

28 Phân viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố

B TỔ CHỨC ĐẢNG

01 Ban Dân vận

02 Ban Kiểm tra

03 Ban Tổ chức

04 Ban Tuyên giáo

05 Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy

06 Ban Nội chính

C TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

01 Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố

02 Hội Nông dân tỉnh, thành phố

03 Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố

04 Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố

05 Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố

06 Tỉnh đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CẤP THỂ
CÁC SỨ QUÁN, LÃNH SỰ QUÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

I	CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO TẠI HÀ NỘI	Số lượng
1	A-déc-bai-gian (Azerbaijan).	05
2	A-rập Ai-cập (Egypt).	05
3	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (United Arab Emirates).	05
4	A-rập Xê-út (Saudi Arabia).	05
5	Ác-hen-ti-na (Argentina).	05
6	Ác-mê-ni-a (Armenia).	05
7	Ai-len (Ireland). Văn phòng Trung ương Đảng	05
8	An-giê-ri (Algeria).	05
9	Anh (United Kingdom).	07
10	Áo (Austria).	05
11	Ăng-gô-la (Angola).	05
12	Ấn Độ (India).	07
13	Ba Lan (Poland).	05
14	Băng-la-đét (Bangladesh).	05
15	Bê-la-rút (Belarus).	05
16	Bỉ (Belgium).	05
17	Bra-xin (Brazil).	05
18	Bru-nây (Brunei).	05
19	Bun-ga-ri (Bulgaria).	05
20	Ca-dắc-xtan (Kazakhstan).	05
21	Ca-na-đa (Canada).	07
22	Ca-ta (Qatar)	05
23	Cam-pu chia (Cambodia).	07
24	Chi-lê (Chile).	05
25	Cô-lôm-bi-a (Colombia).	05
26	Cô-oét (Kuwait).	05
27	Cu-ba (Cuba).	05
28	Đan Mạch (Denmark).	05
29	Đức (Germany).	07
30	EU - Liên minh Châu Âu (Delegation of the European Union).	05
31	Hà Lan (Netherlands)	05

32	Ha-i-ti (Haiti)	05
33	Hàn Quốc (Korea)	07
34	Hoa Kỳ (United States of America)	10
35	Hung-ga-ri (Hungary)	05
36	Hy Lạp (Hellenic)	05
37	I-ran (Iran)	05
38	I-rắc (Iraq)	05
39	I-ta-li-a (Italy)	05
40	In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	07
41	I-xra-en (Israel)	05
42	Lào (Laos)	07
43	Li-bi (Libya)	05
44	Ma-lai-xi-a (Malaysia)	07
45	Ma-rốc (Morocco) .	05
46	Mê-hi-cô (Mexico)	05
47	Mi-an-ma (Myanmar)	07
48	Mô-dăm-bích (Mozambique)	05
49	Mông Cổ (Mongolia)	05
50	Na Uy (Norway)	05
51	Nam Phi (South Africa)	05
52	Nga (Russia).	10
53	Nhật Bản (Japan).	07
54	Ni-giê-ri-a (Nigeria)	05
55	Niu Di-lân (New Zealand).	05
56	Ô-man (Oman)	05
57	Ô-xtrô-rây-li-a (Australia)	07
58	Pa-ki-xtan (Pakistan)	05
59	Pa-le-xtin (Palestine)	05
60	Pa-na-ma (Panama)	05
61	Pê-ru (Peru)	05
62	Pháp (France)	07
63	Phần Lan (Finland).	05
64	Phi-lip-pin (Philippines)	07
65	Ru-ma-ni (Romania)	05
66	Séc (Czech)	05
67	Tây Ban Nha (Spain)	05

68	Thái Lan (Thailand)	07
69	Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)	05
70	Thụy Điển (Sweden)	05
71	Thụy Sĩ (Switzerland).	05
72	Triều Tiên (DPR Korea)	05
73	Trung Quốc (China).	10
74	Ti-mo Lex-te (Timor-Leste).	05
75	U-crai-na (Ukraine)	05
76	U-ru-goay (Uruguay)	05
77	Vê-nê-du-ê-la (Venezuela).	05
78	Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc	05
79	Văn phòng Hợp tác phát triển Luxembourg	05
80	Xinh-ga-po (Singapore)	07
81	Xlô-va-ki-a (Slovak)	05
82	Xri-lan-ca (Sri Lanka)	05
83	Xu-đăng (Sudan)	05
II	CÁC CƠ QUAN LÃNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
1	Anh (United Kingdom).	05
2	Ấn Độ (India).	05
3	Áo (Austria).	03
4	Ai-xơ-len (Iceland)	03
6	Bỉ (Belgium).	03
7	Bồ Đào Nha (Portugal)	03
8	Ca-na-đa (Canada)	03
9	Cam-pu-chia (Cambodia).	05
10	Chi-lê (Chile).	03
11	Cô-oét (Kuwait).	03
12	Cộng hòa Síp	03
13	Cu-ba (Cuba)	05
14	Đức (Germany).	05
15	Ét-to-ni-a (Estonia)	03
16	Hà Lan (Netherlands).	03
17	Hàn Quốc (Korea).	05
18	Hoa Kỳ (United State of America).	07
19	Hung-ga-ri (Hungary).	03
20	Hy Lạp (Hellenic)	03

21	I-ta-li-a (Italy).	03
22	In-đô-nê-xi-a (Indonesia).	05
23	Lào (Laos)	05
24	Man-ta (Malta)	03
25	Ma-lai-xi-a (Malaysia)	05
26	Mê-hi-cô (Mexico)	03
27	Mi-an-ma (Myanmar)	05
28	Nam Phi (South Africa)	03
29	Na Uy (Norway)	03
30	Nga (Russia)	07
31	Nhật Bản (Japan).	05
32	Niu Di-lân (New Zealand).	03
33	Ô-xtrô-rây-li-a (Australia).	05
34	Pa-lau (Palau)	03
35	Pa-na-ma (Panama).	03
36	Pa-ki-xtan (Pakistan)	03
37	Phần Lan (Finland).	03
38	Pháp (France).	05
39	Phi-lip-pin (Philippines)	05
40	Ru-ma-ni (Romania)	03
41	Séc (Czech)	03
42	Thái Lan (Thailand).	05
43	Thụy Sĩ (Switzerland).	03
44	Thụy Điển (Sweden)	03
45	Trung Quốc (China).	07
46	U-crai-na (Ukraine)	03
47	Xinh-ga-po (Singapore).	05
48	Xlô-va-ki-a (Slovak)	03
49	Xri-lan-ca (Sri Lanka)	03
50	Xu-đăng (Sudan)	03
III	CÁC CƠ QUAN LÃNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Lào (Laos).	03
2	Nga (Russia).	03
3	Trung Quốc (China).	03

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỤC VỤ CHUYÊN CƠ ĐƯỢC XEM XÉT CẤP THẺ KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN

SỐ TT

CƠ QUAN, TỔ CHỨC

I CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Văn phòng Trung ương Đảng
Ban Đối ngoại Trung ương
Văn phòng Chủ tịch nước
Văn phòng Quốc hội
Văn phòng Chính phủ
Bộ Tư lệnh cảnh vệ - Bộ Công an
Cục lễ tân nhà nước - Bộ Ngoại giao
Cục lãnh sự - Bộ Ngoại giao
Cục Bảo vệ an ninh – Bộ Quốc phòng
Cục Tác chiến – Bộ Quốc phòng
Quân chủng Phòng không - Không quân – Bộ Quốc phòng

II CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG NGÀNH HÀNG KHÔNG

1. Cục Hàng không Việt Nam :
 - Lãnh đạo Cục,
 - Phòng An ninh hàng không
 - Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay
 - Phòng Quản lý hoạt động bay
 - Văn phòng
 - Phòng Quản lý Cảng hàng không, sân bay
2. Cảng vụ Hàng không
 - Lãnh đạo Cảng vụ
 - Phòng Giám sát An ninh hàng không
 - Phòng Giám sát an toàn hàng không
 - Phòng Giám sát chất lượng dịch vụ

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- Phòng Quản lý Cảng hàng không, sân bay
- 3. Tổng công ty Hàng không Việt Nam
 - Lãnh đạo Tổng công ty
 - Phòng An ninh hàng không
 - Văn phòng
 - Ban Kỹ thuật
 - Ban Dịch vụ thị trường
 - Ban An toàn – chất lượng
 - Đoàn bay
 - Đoàn Tiếp viên
 - Các chi nhánh của Tổng công ty
- 4. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam
 - Lãnh đạo Tổng công ty
 - Ban An ninh - An toàn
 - Ban Khai thác cảng
 - Ban Kỹ thuật công nghệ
 - Ban Kết cấu hạ tầng - môi trường
- 5. Công ty cổ phần hàng không VietJet
 - Lãnh đạo Công ty
 - Phòng An ninh
 - Phòng An toàn, đảm bảo chất lượng
 - Phòng Kỹ thuật
 - Phòng Hành chính
 - Các đại diện tại sân bay
- 6. Công ty cổ phần hàng không Jetstar Pacific
 - Lãnh đạo Công ty
 - Ban An ninh
 - Ban An toàn, chất lượng
 - Ban Kỹ thuật
 - Đoàn Tiếp viên
 - Đội bay
 - Các trung tâm khai thác mặt đất
- 7. Công ty bay dịch vụ hàng không (VASCO)

SỐ TT

CƠ QUAN, TỔ CHỨC

- Lãnh đạo Công ty, Chi nhánh, Đại diện tại sân bay
 - Văn phòng
 - Phòng Đảm bảo chất lượng
 - Phòng Khai thác
 - Phòng Kỹ thuật
 - Phòng Thương mại
 - Phòng Kỹ thuật vật tư
 - Đội bay
8. Tổng công ty trực thăng Việt Nam (VNH)
- Lãnh đạo Tổng công ty, Lãnh đạo các công ty
 - Bộ phận An toàn, chất lượng và an ninh
 - Bộ phận Tham mưu, kế hoạch
 - Bộ phận An ninh vận chuyển (các đội phục vụ hàng hóa, suất ăn, xăng dầu...)
 - Tổ chỉ huy
 - Phi công, thợ máy.
9. Các cảng hàng không
- Lãnh đạo Cảng
 - Trung tâm an ninh hàng không Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất,
 - Văn phòng
 - Phòng An toàn kiểm soát chất lượng
 - Trung tâm Điều hành khai thác
 - Trung tâm Khai thác khu bay
 - Trung tâm Dịch vụ thương mại
 - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật
 - Trung tâm Khai thác ga.
10. Công ty kỹ thuật máy bay (VAECO)
- Lãnh đạo Công ty, chi nhánh
 - Các đơn vị bảo dưỡng ngoại trường
 - Các đơn vị bảo dưỡng trang thiết bị
 - Các Trung tâm Điều hành bảo dưỡng
 - Ban Đảm bảo chất lượng
 - Lãnh đạo các Trung tâm bảo dưỡng nội trường.

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

11. Công ty cung ứng suất ăn
 - Lãnh đạo công ty và lãnh đạo các bộ phận Kế hoạch thị trường, Phục vụ sân đỗ, Trang thiết bị kỹ thuật, Nhân sự hành chính.
 - Bộ phận an ninh, kiểm soát chất lượng, giám sát khai thác.
 - Bộ phận phục vụ sân đỗ tàu bay.

12. Công ty cung cấp nhiên liệu
 - Lãnh đạo công ty, chi nhánh
 - Phòng An ninh
 - Trung tâm An ninh của các Chi nhánh
 - Bộ phận Điều hành giám sát
 - Bộ phận Hóa nghiệm
 - Bộ phận tra nạp.

13. Công ty phục vụ mặt đất
 - Lãnh đạo công ty, chi nhánh
 - Trung tâm Điều hành khai thác
 - Bộ phận phục vụ hành khách
 - Bộ phận Tài liệu chuyên bay
 - Bộ phận cân bằng trọng tải
 - Bộ phận Giám sát sân đỗ
 - Bộ phận Dịch vụ sân đỗ
 - Bộ phận Dịch vụ tàu bay.

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐÓN TIỄN KHÁCH QUỐC TẾ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

SỐ TT	CƠ QUAN, TỔ CHỨC
I	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
1	Văn phòng Chủ tịch nước - Vụ đối ngoại - Vụ Quản trị - Tài vụ
2	Văn phòng Quốc hội - Vụ lễ tân - Cục quản trị - Vụ đối ngoại
3	Văn phòng Chính phủ - Cục Quản trị - Cục Hành chính - Quản trị II - Vụ Quan hệ quốc tế
4	Tòa án Nhân dân Tối cao - Văn phòng - Vụ Hợp tác quốc tế
5	Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao - Văn phòng - Vụ hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự (vụ 13)
6	Bộ Thông tin và Truyền thông - Văn phòng - Vụ Hợp tác quốc tế
7	Bộ Công an : - Văn phòng (V11) - Cục Đối ngoại (V12)
8	Bộ Công thương : - Văn phòng - Vụ Hợp tác quốc tế
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo :

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- Văn phòng
- Cục Hợp tác quốc tế
- 10 Bộ Giao thông Vận tải
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 11 Bộ Khoa học và Công nghệ
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 12 Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 - Văn phòng
- 13 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 14 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 15 Bộ Nội vụ
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 16 Bộ Ngoại giao
 - Văn phòng
 - Cục lễ tân nhà nước
- 17 Bộ Quốc phòng
 - Văn phòng
 - Cục Đối ngoại
 - Văn phòng Bộ Tổng tham mưu
 - Văn phòng Tổng cục chính trị
- 18 Bộ Tài chính
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế
- 19 Bộ Tài nguyên và Môi trường
 - Văn phòng
 - Vụ Hợp tác quốc tế

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- 20 Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch
- Văn phòng
- Cục Hợp tác quốc tế
- 21 Bộ Xây dựng
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 22 Bộ Y tế
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 23 Bộ Tư pháp
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 24 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 25 Thanh tra Chính phủ
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 26 Ủy ban Dân tộc
- Văn phòng
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 28 Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
- Văn phòng
- Ban Hợp tác quốc tế
- 29 Đài Tiếng nói Việt Nam
- Văn phòng
- Ban Hợp tác quốc tế
- 30 Đài Truyền hình Việt Nam
- Văn phòng
- Ban Hợp tác quốc tế
- 31 Thông tấn xã Việt Nam
- Văn phòng
- 32 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

SỐ TT**CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

- Văn phòng học viện
- Vụ Hợp tác quốc tế
- 33 Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 - Văn phòng
 - Ban Hợp tác quốc tế
- 34 Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
 - Văn phòng
 - Ban Hợp tác quốc tế

II TỔ CHỨC ĐẢNG

- 01 Văn phòng Trung ương Đảng
 - Cục Quản trị A
 - Cục Quản trị T.78
 - Cục Quản trị T.26
- 07 Ban Đối ngoại Trung ương
 - Văn phòng
 - Vụ Lễ tân - Quản trị

III TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

- 01 Hội Nông dân Việt Nam
 - Ban Hợp tác quốc tế
- 02 Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
 - Ban Đối ngoại
- 03 Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
 - Ban Quốc tế
- 04 Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
 - Ban Quốc tế
- 05 Mặt trận tổ quốc Việt Nam
 - Ban Quốc tế

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC NHIỆM VỤ, CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYÊN TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA NHÀ GA, SÂN BAY

SỐ TT	Nội dung công việc
1	Làm thủ tục (check-in) hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi
2	Làm thủ tục, hướng dẫn, đưa, đón hành khách lên, xuống tàu bay
3	Làm tài liệu phục vụ chuyên bay, giao nhận tài liệu với tổ bay
4	Làm vệ sinh tàu bay, nhà ga, sân bay
5	Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận hành lý, hàng hóa, bưu gửi cho chuyến bay
6	Vận chuyển, giao nhận suất ăn, đồ dự trữ, đồ phục vụ, nhiên liệu cho chuyến bay
7	Sửa chữa, bảo dưỡng ngoại trường tàu bay
8	Sửa chữa, bảo dưỡng, điều khiển, vận hành phương tiện, trang thiết bị tại nhà ga, sân bay
9	Kiểm tra, giám sát, điều phối hoạt động khai thác đối với chuyên bay
10	Làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho hành khách của chuyến bay
11	Làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu cho hành lý, hàng hóa, bưu gửi của chuyến bay
12	Kiểm dịch y tế cho hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi của chuyến bay
13	Kiểm dịch động, thực vật tại nhà ga, sân bay
14	Tuần tra, canh gác, kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với người, phương tiện, đồ vật ra vào, hoạt động tại nhà ga, sân bay
15	Chữa cháy, cứu nạn hàng không
16	Kiểm tra, giám sát về an ninh, an toàn, chất lượng dịch vụ
17	Khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình tại nhà ga, sân bay
18	Bán hàng, thu tiền, cung ứng hàng hóa, dịch vụ tại nhà ga, sân bay